

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS -ST

Ngày: 13 -6-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2024/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXX - ST ngày 06 tháng 05 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-DS ngày 23/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Kiều Bình D, sinh năm 1984; Trú tại: Khu tập thể A, H, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Chị Vũ Hồng G, sinh năm 1985; Trú tại: Tiểu khu G, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1987; Địa chỉ: tiểu khu A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2/ Ông Vũ Văn B, sinh năm 1958; Trú tại: Tiểu khu G, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - anh Kiều Bình D trình bày:* Ngày 18/01/2017 anh có cho chị Vũ Hồng G vay số tiền

100.000.000 đồng để chị G đầu tư vào bảo hiểm nhân thọ A, hạn 05 tháng sẽ trả tiền cho anh, lãi suất chị G hứa trả 3.000.000 đồng. Vì là bạn bè anh đã đồng ý cho chị G vay. Khoảng năm ngày sau anh mới có tiền, anh gọi điện thoại cho G ra lấy. Khi gọi điện thoại anh đang đi làm, anh chạy ra cổng thì thấy V và G, V nói có chuyện muốn nói riêng với anh, G bảo đưa tiền cho V cầm luôn. Chị G đã trả cho anh được 3 tháng lãi, sau đó không trả lãi cho anh hai tháng còn lại theo như thỏa thuận và 100.000.000 đồng tiền gốc. Khi vay tiền chị G có đưa cho anh một bìa đồ đứng tên Vũ Văn B diện tích 570m², sổ D và có giấy ủy quyền từ ông Vũ Văn B cho Vũ Hồng G, giấy chứng minh nhân dân tên Vũ Hồng G, sổ hộ khẩu Vũ Văn B. Sau đó hai tháng chị G có hỏi anh cho mượn lại bìa đồ đất mang tên Vũ Văn B để giải quyết việc gia đình rồi sẽ mang trả lại anh. Vì tin tưởng chị G anh đã cho mượn nhưng đến bây giờ chị G đã không trả lại anh sổ đỏ và số tiền vay của anh. Anh đã gặp chị G nhiều lần để đòi số tiền nợ nhưng chị G vẫn không trả. Nay anh D khởi kiện yêu cầu chị G trả cho anh số tiền vay 100.000.00 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11/3/2025 và tại phiên tòa anh Kiều Bình D yêu cầu chị Vũ Hồng G phải trả lãi cho anh tính từ ngày 18/01/2017 cho đến phiên tòa ngày 13/6/2025 số tiền là 68.000.000 đồng và trả cho anh sổ đỏ đứng tên Vũ Văn B. Ngoài ra anh yêu cầu Tòa án xem xét toàn bộ vụ án có dấu hiệu tội phạm lừa đảo gian dối giả mạo giấy ủy quyền chuyển sang Cơ quan điều tra.

** Bị đơn chị Vũ Hồng G trình bày:* Chị xác nhận ngày 18/01/2017 có viết giấy vay tiền anh D với số tiền 100.000.000 đồng, chị không phải là người nhận trực tiếp nhận tiền từ anh D chị V mới là người nhận số tiền này. Tuy nhiên giấy vay tiền chị là người viết nên chị cam kết trả cho anh D số tiền vay 100.000.000 đồng. Chị V đã trả cho anh D số tiền lãi trong 04 tháng của khoản vay 100.000.000 đồng. Chị đồng ý trả cho anh D số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất tính từ thời điểm vay cho đến ngày 13/6/2025 là 68.000.000 đồng như anh D yêu cầu. Chị đang gặp khó khăn về kinh tế nên chị xin trả nợ dần cho anh D. Bố chị ông Vũ Văn B không liên quan đến yêu cầu khởi kiện này nên việc anh D yêu cầu chị đưa sổ đỏ mang tên Vũ Văn B cho anh D là không phù hợp. Bởi khi vay số tiền 100.000.000 đồng chị giao sổ đỏ mang tên ông Vũ Văn B cho anh D để làm tin, chứ không thể chấp bìa đồ cho anh D bởi theo chị biết việc thế chấp sổ đỏ phải được công chứng, chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền mới phù hợp với quy định của pháp luật. Khi chị đưa sổ đỏ mang tên Vũ Văn B cho anh D, ông B - bố chị không biết, cũng không đồng ý, khi chị mượn lại sổ đỏ từ anh D, anh D cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Vì vậy việc anh D bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị đưa sổ đỏ mang tên bố chị ông Vũ Văn B cho anh D là vô lý, chị không đồng ý

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

1/ Chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày: Chị G có vay của anh D số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay viết tay đề ngày 18/01/2017, giấy vay đó là do G viết, nhưng thực tế khoản vay 100.000.000 đồng là do chị vay. Chị V nghĩ chị không đủ uy tín nên mới nhờ chị G đứng ra vay tiền anh D, D không đưa tiền trực tiếp cho G mà đưa cho chị, có sự đồng ý của G. Chị trực tiếp trả lãi khoản vay 100.000.000 đồng cho anh D có sự đồng ý của chị G. Chị trả lãi cho anh D được 04 tháng. Tuy nhiên sau đó do làm ăn

khó khăn nên chị không có khả năng trả lãi cho anh D nữa. Nay anh D khởi kiện yêu cầu chị G trả cho anh D số tiền vay 100.000.000 đồng cùng tiền lãi 68.000.000 đồng chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị đồng ý trả cho G số tiền tương ứng mà G phải trả cho D. Về quan hệ vay mượn lại số tiền 100.000.000 đồng từ anh D giữa chị với chị G chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

2/ Ông Vũ Văn B trình bày: Việc vay tiền là của anh D, chị G, chị V không liên quan đến ông, ông không cho chị G mượn sổ đỏ để thế chấp cho anh D vay tiền. Giấy ủy quyền ngày 12/01/2017 không liên quan đến ông, ông không ký vào giấy ủy quyền này, Cơ quan có thẩm quyền đã giám định chữ ký, chữ viết trong giấy ủy quyền và kết luận không phải là của ông. Sổ đỏ mang tên Vũ Văn B là của ông không liên quan gì đến D, G, V. Anh Dũng khởi kiện yêu cầu chị G trả lại cho anh D sổ đỏ mang tên ông là hết sức vô lý, ông không đồng ý.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Điều 70, Điều 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 118, 119, 293, Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11 /01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Bình D

+ Buộc chị Vũ Hồng G phải trả cho anh Kiều Bình D số tiền tính đến ngày 13/6/2025 là 168.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000, lãi là 68.000.000 đồng

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D về việc yêu cầu chị Vũ Hồng G trả cho anh sổ đỏ đứng tên ông Vũ Văn B.

Đối với yêu cầu Tòa án xem xét toàn bộ vụ án có dấu hiệu tội phạm lừa đảo gian dối giả mạo giấy ủy quyền chuyển sang Cơ quan điều tra không tiến hành xem xét. Vì nội dung anh Kiều Bình D tố cáo chị Vũ Hồng G lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 100.000.000 đồng, yêu cầu đã được Cơ quan điều tra công an huyện L, tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 86, ngày 26/10/2018. Đối với giấy ủy quyền liên quan đến mảnh đất nhà ông Vũ Văn B. Tại kết luận giám định số 4545/C09 - P5 ngày 21/9/2018 của V1 Bộ C hết luận: Chữ L, 12 tháng 1 năm 2017;

Xác nhận của UBND trên giấy ủy quyền là chữ viết của Nguyễn Thị Cẩm V. Chữ ở phần nội dung là của Bùi Xuân N. Ông B không viết hay ký vào giấy ủy quyền. Hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN T HÒA BÌNH” là dấu giả bằng phương pháp in phun màu. Qua đấu tranh V thừa nhận giấy ủy quyền của ông Vũ Văn B là do V làm giả bằng cách in hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN T HÒA BÌNH” lên tờ giấy A4. Đây là một trong ba tờ giấy mà trước đó V đã làm giấy ủy quyền giả mang tên Nguyễn Thị H, đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện L khởi tố điều tra và đã bị xét xử. Đối với Bùi Xuân N và Vũ Hồng G tuy có liên quan một lần đến hành vi làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức cùng với V. Căn cứ điểm a khoản 2, điều 27 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về thời hiệu truy cứu đối với tội ít nghiêm trọng là 05 năm thì đến nay (ngày 04/8/2023 khi VKSND huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Cẩm V và Vũ Hồng G làm giả giấy ủy quyền của ông Vũ Văn B (bố của G) để vay anh Kiều Bình D số tiền 100.000.000 đồng...) xác định đã hết thời hiệu truy cứu.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Hồng G phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định. Đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận anh D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Kiều Bình D khởi kiện chị Vũ Hồng G về hợp đồng vay tài sản, các đương sự không đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật hình sự nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn chị Vũ Hồng G hiện đang cư trú ở tiểu khu G, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, nên hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa dân sự sơ thẩm hợp lệ đến các đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn B có đơn

xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Nội dung vụ án:

Tại giấy vay tiền đề ngày 18/01/2017 anh Kiều Bình D có cho chị Vũ Hồng G vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay có để lại bìa đỏ mang tên Vũ Văn B diện tích đất là 570m² số 00470 có chuyển nhượng ủy quyền sang tên chị Vũ Hồng G theo đúng pháp luật. Hẹn năm tháng sẽ trả toàn bộ số tiền. Chị G trả được cho anh D ba tháng tiền lãi rồi không trả lãi theo như thỏa thuận, sau đó chị G còn mượn lại sổ đỏ mang tên ông Vũ Văn B nói là để giải quyết việc gia đình rồi cũng không trả lại anh D bìa đỏ nói trên. Đến nay chị G vẫn chưa trả số nợ số tiền 100.000.000 đồng cho anh D nên anh D khởi kiện ra Tòa yêu cầu chị G trả cho anh số tiền gốc 100.000.000 đồng, lãi suất là 68.000.000 đồng tính từ thời điểm vay đến khi xét xử và trả lại anh D sổ đỏ mang tên ông Vũ Văn B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy vay nợ đề ngày 18/01/2017 được ký giữa anh Kiều Bình D và chị Vũ Hồng G trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung và hình thức được quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự. Do đó, các bên tham gia giao dịch này có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Bình D: Yêu cầu chị Vũ Hồng G phải trả cho anh D số tiền là 168.000.000 đồng: trong đó nợ gốc là: 100.000.000 đồng, lãi là 68.000.000 đồng tính từ thời điểm vay đến khi xét xử (ngày 13/6/2025)

Nguyên đơn anh Kiều Bình D và bị đơn chị Vũ Hồng G xác nhận có cùng nhau ký giấy vay tiền đề ngày 18/01/2017 với số tiền vay 100.000.000 đồng nên đây là tình tiết không cần chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với khoản tiền lãi: Nguyên đơn anh Kiều Bình D, bị đơn chị Vũ Hồng G đều xác nhận mặc dù trong giấy vay nợ đề ngày 18/01/2017 không ghi lãi suất nhưng giữa hai anh chị có thỏa thuận ngoài về lãi suất với mức lãi suất là 2000 đồng/1 triệu/ ngày. Tuy nhiên mức lãi suất này cao so với quy định của pháp luật nên anh D khởi kiện yêu cầu chị G phải trả cho anh số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm vay đến khi xét xử là 68.000.000 đồng, tổng cộng 168.000.000 đồng. Chị Vũ Hồng G cũng nhất trí trả cho anh D số tiền gốc và lãi là 168.000.000 đồng(trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 68.000.000 đồng), tuy nhiên kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn nên chị xin được trả dần cho anh D. Anh Dũng không đồng ý, yêu cầu chị G phải trả ngay cho anh số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như giấy vay nợ được ký kết giữa anh Kiều Bình D với chị Vũ Hồng G thì chị G phải thực hiện mọi nghĩa vụ đã cam kết trong Giấy vay tiền đề ngày 18/01/2017 nên chị G phải có trách nhiệm trả nợ cho anh Kiều Bình D số nợ gốc 100.000.000 đồng. Anh Dũng và chị G thống nhất số tiền lãi chị G phải trả cho anh D là 68.000.000 đồng, sự thỏa thuận này không vi phạm pháp luật không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận. Tuy nhiên chị G đề nghị được trả dần số tiền vay cho anh

D nhưng anh D không đồng ý, do đó không thể ghi nhận sự thỏa thuận này giữa anh D và chị G.

Căn cứ vào Điều 116, 117, 118, 119, 280, 293, 357, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một quy định pháp luật về lãi suất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Bình D về việc buộc chị Vũ Hồng G phải trả nợ cho anh Kiều Bình D số tiền tính đến ngày 13/6/2025 là: 168.000.000 trong đó nợ gốc là: 100.000.000 đồng, tiền lãi là 68.000.000 đồng.

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc chị Vũ Hồng G phải trả cho anh sổ đỏ mang tên ông Vũ Văn B.

Nguyên đơn anh Kiều Bình D trình bày: Khi vay anh số tiền 100.000.000 đồng, chị G có đưa cho anh một bìa đỏ đứng tên Vũ Văn B diện tích 570m², sổ D và có giấy ủy quyền từ ông Vũ Văn B cho Vũ Hồng G, giấy chứng minh nhân dân tên Vũ Hồng G, sổ hộ khẩu Vũ Văn B. Sau đó hai tháng chị G có hỏi anh cho mượn lại bìa đỏ đất mang tên Vũ Văn B để giải quyết việc gia đình rồi sẽ mang trả lại anh. Vì tin tưởng chị G anh đã cho mượn nhưng đến bây giờ chị G đã không trả lại anh sổ đỏ và số tiền của anh. Nay anh D khởi kiện yêu cầu chị G trả cho anh sổ đỏ mang tên Vũ Văn B.

Bị đơn chị Vũ Hồng G trình bày: Bố chị ông Vũ Văn B không liên quan đến yêu cầu khởi kiện này nên việc anh D yêu cầu chị đưa sổ đỏ ang tên Vũ Văn B cho anh D là không phù hợp. Bởi khi vay số tiền 100.000.000 đồng chị giao sổ đỏ mang tên ông Vũ Văn B cho anh D để làm tin, chứ không thể chấp bìa đỏ cho anh D bởi theo chị biết việc thế chấp sổ đỏ phải được công chứng, chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền mới phù hợp với quy định của pháp luật. Khi chị đưa sổ đỏ mang tên Vũ Văn B cho anh D, ông B - bố chị không biết, cũng không đồng ý, khi chị mượn lại sổ đỏ từ anh D, anh D cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Vì vậy việc anh D bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị đưa sổ đỏ mang tên bố chị ông Vũ Văn B cho anh D là vô lý, chị không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn B trình bày Việc vay tiền là của anh D, chị G, chị V không liên quan đến ông, ông không cho chị G mượn sổ đỏ để thế chấp cho anh D vay tiền. Giấy ủy quyền ngày 12/01/2017 không liên quan đến ông, ông không ký vào giấy ủy quyền này. Cơ quan có thẩm quyền đã giám định chữ ký, chữ viết trong giấy ủy quyền và kết luận không phải là của ông. Sổ đỏ mang tên Vũ Văn B là của ông không liên quan gì đến D, G, V. Anh Dũng khởi kiện yêu cầu chị G trả lại cho anh D sổ đỏ mang tên ông là hết sức vô lý, ông không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy tại đơn tố cáo đề ngày 26/6/2018 anh Kiều Bình D tố cáo chị Vũ Hồng G có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng. Cơ quan điều tra Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình đã trưng cầu giám định đối với giấy ủy quyền đề ngày 12/01/2017. Kết luận giám định số 4545/C09 - 09, ngày 21/9/2018 của V1 - Bộ C kết luận: *Chữ L, 12 tháng 1 năm 2017; Xác nhận của UBND trên giấy ủy quyền là chữ viết của Nguyễn Thị Cẩm V. Chữ ở phần nội dung là của Bùi Xuân N. Ông B không viết hay ký vào giấy ủy quyền.* Ông B, chị G cũng trình bày ông B không ủy quyền cho chị

G sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Như vậy có thể khẳng định chị G tự ý mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông B đưa cho anh D mà không có sự đồng ý, cho phép của ông B, ông B không liên quan đến việc vay nợ giữa chị G và anh D. Anh Dũng, chị G đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B không có cơ sở pháp luật. Do đó yêu cầu của anh Kiều Bình D về việc buộc chị Vũ Hồng G phải trả cho anh số nợ mang tên ông Vũ Văn B không có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 356 Bộ luật dân sự

Đối với đề nghị Tòa án xem xét toàn bộ vụ án có dấu hiệu tội phạm lừa đảo gian dối giả mạo giấy ủy quyền chuyển sang Cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung anh Kiều Bình D tố cáo Vũ Hồng G lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 100.000.000 đồng, yêu cầu đã được Cơ quan điều tra công an huyện L, tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 86, ngày 26/10/2018, anh D đã nhận được thông báo không khởi tố và không có ý kiến gì. Đối với giấy ủy quyền liên quan đến mảnh đất nhà ông Vũ Văn B. Tại kết luận giám định số 4545/C09 - P5 ngày 21/9/2018 của V1 Bộ C hết luận: Chữ L, 12 tháng 1 năm 2017; Xác nhận của UBND trên giấy ủy quyền là chữ viết của Nguyễn Thị Cẩm V. Chữ ở phần nội dung là của Bùi Xuân N. Ông B không viết hay ký vào giấy ủy quyền. Hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN T HÒA BÌNH” là dấu giả bằng phương pháp in phun màu. Qua đấu tranh V thừa nhận giấy ủy quyền của ông Vũ Văn B là do V làm giả bằng cách in hình dấu tròn “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN T HÒA BÌNH” lên tờ giấy A4. Đây là một trong ba tờ giấy mà trước đó V đã làm giấy ủy quyền giả mang tên Nguyễn Thị H, đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện L khởi tố điều tra và đã bị xét xử về hành vi làm giả con dấu tài liệu của Cơ quan có thẩm quyền. Đối với Bùi Xuân N và Vũ Hồng G tuy có liên quan một lần đến hành vi làm giả giấy tờ của cơ quan, tổ chức cùng với V. Căn cứ điểm a khoản 2, điều 27 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về thời hiệu truy cứu đối với tội ít nghiêm trọng là 05 năm thì đến nay (ngày 04/8/2023 khi VKSND huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Cẩm V và Vũ Hồng G làm giả giấy ủy quyền của ông Vũ Văn B (bố của G) để vay anh Kiều Bình D số tiền 100.000.000 đồng...) xác định đã hết thời hiệu truy cứu. Do đó không có cơ sở để chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan điều tra công an tỉnh H để giải quyết theo thẩm quyền.

[3.] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Kiều Bình D, chị Vũ Hồng G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 116, 117, 118, 119, 280, 293, 356, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11 /01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kiều Bình D về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

1.1. Buộc chị Vũ Hồng G1 phải trả cho anh Kiều Bình D tổng số tiền số tiền đến ngày 13/6/2025 tổng số tiền là 168.000.000 đồng. Trong đó: nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi: 68.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiều Bình D về việc: Buộc chị Vũ Hồng G phải trả cho anh số đồ mang tên ông Vũ Văn B.

2. Về án phí: Chị Vũ Hồng G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 8.400.000 đồng.

Anh Dũng phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu buộc chị Vũ Hồng G phải trả cho anh số đồ mang tên ông Vũ Văn B không được chấp nhận, được trừ vào số tiền anh D đã nộp 4.200.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001465, ngày 06/11/2024 với số tiền 2.500.000 đồng và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005208, ngày 20/03/2025 với số tiền 1.700.000 đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Trả lại cho anh D số tiền 3.900.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thị Lan Anh

